

NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH CỦA VIỆT NAM THÔNG QUA CẢI THIỆN NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG

● BÙI THỊ HOÀNG LAN

Khoa Môi trường, Biến đổi khí hậu và Đô thị
- Trường Kinh tế và Quản lý Công - Đại học Kinh tế Quốc dân
Email: lanbh@neu.edu.vn

TÓM TẮT:

Năng suất lao động được xem là yếu tố cốt lõi quyết định chất lượng tăng trưởng và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Trong bối cảnh Việt Nam đang chuyển dịch mô hình tăng trưởng theo hướng dựa nhiều hơn vào hiệu quả và đổi mới sáng tạo, việc nâng cao năng suất lao động trở thành yêu cầu cấp thiết. Bài viết phân tích thực trạng năng suất lao động của Việt Nam giai đoạn 2021-2025 trên cả phương diện tổng thể và theo khu vực kinh tế, qua đó làm rõ xu hướng biến động, mức độ đóng góp vào tăng trưởng kinh tế cũng như những hạn chế còn tồn tại. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất một số hàm ý chính sách nhằm thúc đẩy tăng trưởng năng suất theo hướng bền vững, góp phần nâng cao chất lượng tăng trưởng và thu hẹp khoảng cách với các quốc gia trong khu vực.

Từ khóa: năng suất lao động, tăng trưởng kinh tế, cơ cấu kinh tế, nguồn nhân lực, Việt Nam.

1. Đặt vấn đề

Trong những năm gần đây, năng suất lao động ngày càng được nhấn mạnh như một động lực then chốt của tăng trưởng kinh tế, đặc biệt đối với các quốc gia đang phát triển như Việt Nam. Khi dư địa tăng trưởng dựa trên lao động giá rẻ và khai thác tài nguyên dần thu hẹp, việc chuyển sang mô hình tăng trưởng dựa trên năng suất, công nghệ và đổi mới sáng tạo trở thành xu hướng tất yếu. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với việc cải thiện hiệu quả sử dụng các yếu tố đầu vào, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và thúc đẩy ứng dụng khoa học - công nghệ trong sản xuất.

Thực tế cho thấy, mặc dù năng suất lao động của Việt Nam đã có sự cải thiện đáng kể trong những năm gần đây, song vẫn tồn tại khoảng cách tương đối lớn so với các nước trong khu vực. Đồng thời, sự chênh lệch về năng suất giữa các khu vực kinh tế, cùng với những hạn chế về trình độ công nghệ, năng lực quản trị và kỹ năng lao động, tiếp tục là những rào cản đối với quá trình nâng cao năng suất một cách bền vững.

Xuất phát từ bối cảnh đó, bài nghiên cứu tập trung phân tích thực trạng năng suất lao động của Việt Nam trong giai đoạn 2021-2025, làm rõ những chuyển biến chính cũng như các vấn đề còn tồn tại.

Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao năng suất lao động, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế theo hướng bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia trong thời gian tới.

2. Thực trạng năng suất lao động giai đoạn 2021-2025

Trong giai đoạn 2021-2025, năng suất lao động (NSLĐ) của Việt Nam có xu hướng gia tăng rõ rệt theo thời gian. Cụ thể, theo số liệu của Cục Thống kê (2025, 2026), tính theo giá hiện hành, NSLĐ toàn nền kinh tế tăng từ 172,96 triệu đồng/người năm 2021 lên 240,00 triệu đồng/người vào năm 2025. Nếu quy đổi theo sức mua tương đương (PPP), NSLĐ của Việt Nam đạt 22.096 USD/người năm 2021 và tăng lên 25.850 USD/người vào năm 2024, qua đó cải thiện thứ hạng trong khu vực Đông Nam Á từ vị trí thứ 7 lên thứ 6, dù vẫn đứng sau một số nền kinh tế như Singapore, Malaysia và Thái Lan.

Xét theo giá so sánh năm 2010 nhằm loại trừ yếu tố giá, NSLĐ của Việt Nam duy trì đà tăng trưởng ổn định qua các năm với tốc độ tăng lần lượt là 4,56% (2021), 5,25% (2022), 3,66% (2023), 5,77% (2024) và 4,65% (2025). Bình quân cả giai đoạn, NSLĐ tăng khoảng 4,78%/năm, phản ánh sự cải thiện về chất lượng lao động và hiệu quả sản xuất của nền kinh tế. (Cục Thống kê, 2025, 2026).

Đóng góp của NSLĐ vào tăng trưởng kinh tế là yếu tố chủ đạo. Trong khi GDP giai đoạn 2021-2025 tăng trung bình 6,20%/năm, thì riêng yếu tố tăng NSLĐ đóng góp khoảng 4,84 điểm phần trăm, tương ứng với hơn 78% mức tăng trưởng chung. Ngược lại, yếu tố gia tăng số lượng lao động chỉ đóng góp khoảng 1,36 điểm phần trăm, cho thấy tăng trưởng kinh tế của Việt Nam ngày càng phụ thuộc vào nâng cao năng suất thay vì mở rộng quy mô lao động. (Cục Thống kê, 2025, 2026)

Xét theo khu vực kinh tế, NSLĐ có sự khác biệt đáng kể. Khu vực công nghiệp và xây dựng luôn đạt mức cao nhất, tiếp đến là khu vực dịch vụ, trong khi

khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản có NSLĐ thấp nhất. Tuy nhiên, khoảng cách này có xu hướng thu hẹp nhẹ trong các năm gần đây. Chẳng hạn, năm 2021, NSLĐ của khu vực công nghiệp - xây dựng cao gấp 2,60 lần và khu vực dịch vụ cao gấp 2,52 lần so với khu vực nông nghiệp; đến năm 2025, các tỷ lệ này giảm xuống còn khoảng 2,48 lần và 2,31 lần. (Cục Thống kê, 2025, 2026)

Về tốc độ tăng trưởng NSLĐ theo ngành, cả 3 khu vực đều ghi nhận mức tăng dương trong toàn bộ giai đoạn, tuy nhiên có sự biến động về thứ hạng giữa các năm. Khu vực dịch vụ dẫn đầu về tốc độ tăng trong năm 2021, trong khi khu vực nông nghiệp nổi bật trong giai đoạn 2022-2023, và khu vực công nghiệp - xây dựng có mức tăng cao nhất vào các năm 2024-2025. Tính trung bình giai đoạn 2021-2025, tốc độ tăng NSLĐ của 3 khu vực lần lượt đạt 4,76%, 5,07% và 4,88%. (Cục Thống kê, 2025, 2026)

Mặc dù năng suất lao động của Việt Nam đã có sự cải thiện đáng kể trong giai đoạn 2021-2025, song vẫn tồn tại nhiều hạn chế mang tính cơ cấu và dài hạn. Trước hết, khoảng cách về năng suất giữa Việt Nam và các nền kinh tế dẫn đầu trong khu vực vẫn còn rất lớn. Theo ước tính, năm 2023, năng suất lao động theo PPP (2021) của Việt Nam chỉ bằng 11,2% so với Singapore, 27% so với Hàn Quốc, 28,6% so với Nhật Bản, 36,2% so với Malaysia, 64,6% so với Thái Lan, 57,3% so với Trung Quốc, 84,8% so với Indonesia và chỉ nhỉnh hơn Philippines với 104,9% (Ngọc An, 2025).

Điều này phản ánh không chỉ sự chênh lệch về trình độ công nghệ mà còn cho thấy sự khác biệt về chất lượng nguồn nhân lực, năng lực quản trị và mức độ tích lũy vốn tri thức trong nền kinh tế.

Một trong những nguyên nhân cốt lõi là mức độ ứng dụng khoa học - công nghệ và chuyển đổi số trong doanh nghiệp còn hạn chế. Phần lớn doanh nghiệp Việt Nam là doanh nghiệp nhỏ và vừa, với năng lực tài chính yếu và khả năng chịu rủi ro thấp,

dẫn đến xu hướng trì hoãn đầu tư vào công nghệ mới. Điều này khiến quá trình chuyển đổi từ mô hình tăng trưởng dựa vào lao động giá rẻ sang mô hình dựa vào năng suất và đổi mới sáng tạo diễn ra chậm chạp, làm suy giảm động lực tăng trưởng dài hạn.

Bên cạnh đó, năng lực quản trị doanh nghiệp và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo vẫn chưa phát triển tương xứng. Nhiều doanh nghiệp chưa xây dựng được cơ chế khuyến khích sáng kiến nội bộ, thiếu chiến lược đổi mới dài hạn, dẫn đến việc cải thiện năng suất chủ yếu dựa vào mở rộng quy mô sản xuất thay vì nâng cao hiệu quả. Hệ quả là năng suất tăng nhưng chưa bền vững, dễ bị tổn thương trước các cú sốc kinh tế.

Một hạn chế quan trọng khác là chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế số. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có kỹ năng cao còn thấp, trong khi kỹ năng số, kỹ năng công nghệ và ngoại ngữ chưa được phổ cập rộng rãi. Điều này tạo ra sự lệch pha giữa cung và cầu lao động, làm giảm hiệu quả sử dụng lao động và hạn chế khả năng tiếp thu công nghệ mới của doanh nghiệp.

Ngoài ra, khả năng tiếp cận nguồn vốn, đặc biệt là vốn cho đổi mới công nghệ và nghiên cứu - phát triển (R&D), vẫn là rào cản lớn đối với doanh nghiệp, nhất là khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa. Hệ thống tài chính chưa thực sự hỗ trợ hiệu quả cho các hoạt động đầu tư dài hạn, trong khi chi phí vốn còn cao, khiến doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc nâng cấp công nghệ và cải thiện năng suất.

Cuối cùng, sự chênh lệch năng suất giữa các khu vực kinh tế vẫn ở mức đáng kể, đặc biệt giữa khu vực nông nghiệp và các khu vực còn lại. Mặc dù khoảng cách này có xu hướng thu hẹp, nhưng tốc độ chuyển dịch cơ cấu lao động từ khu vực năng suất thấp sang khu vực năng suất cao vẫn còn chậm. Điều này làm giảm hiệu quả phân bổ nguồn lực trong toàn nền kinh tế và kìm hãm tốc độ tăng năng suất chung.

3. Hàm ý chính sách

Trên cơ sở các hạn chế đã phân tích, việc nâng cao năng suất lao động tại Việt Nam đòi hỏi một gói giải pháp đồng bộ, tập trung vào cả phía doanh nghiệp, thị trường lao động và thể chế hỗ trợ.

Thứ nhất, cần thúc đẩy mạnh mẽ quá trình chuyển đổi công nghệ và chuyển đổi số trong doanh nghiệp, đặc biệt là khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa. Thay vì các chính sách hỗ trợ dàn trải, Nhà nước nên thiết kế các chương trình hỗ trợ có mục tiêu rõ ràng, như ưu đãi thuế cho đầu tư công nghệ, quỹ đồng tài trợ đổi mới sáng tạo hoặc cơ chế chia sẻ rủi ro cho các dự án chuyển đổi số. Đồng thời, cần phát triển các nền tảng công nghệ dùng chung nhằm giảm chi phí đầu tư ban đầu cho doanh nghiệp.

Thứ hai, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cần được xem là ưu tiên chiến lược. Cần chuyển từ đào tạo theo số lượng sang đào tạo theo nhu cầu thị trường, tăng cường liên kết giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp. Việc phát triển kỹ năng số, kỹ năng công nghệ và ngoại ngữ cần được tích hợp sâu vào chương trình đào tạo nghề và đại học. Bên cạnh đó, cần có cơ chế khuyến khích doanh nghiệp tham gia đào tạo lại (reskilling) và nâng cao kỹ năng (upskilling) cho người lao động.

Thứ ba, cải thiện năng lực quản trị doanh nghiệp và thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo. Nhà nước có thể hỗ trợ thông qua các chương trình tư vấn quản trị, chuyển giao tri thức và kết nối doanh nghiệp với các trung tâm đổi mới sáng tạo. Đồng thời, cần khuyến khích doanh nghiệp xây dựng hệ thống quản trị hiện đại, áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động.

Thứ tư, cần hoàn thiện thị trường tài chính theo hướng tạo điều kiện thuận lợi hơn cho doanh nghiệp tiếp cận vốn dài hạn. Việc phát triển các kênh huy động vốn ngoài tín dụng ngân hàng, như thị trường vốn, quỹ đầu tư mạo hiểm hoặc quỹ hỗ trợ đổi mới sáng tạo, sẽ giúp doanh nghiệp có thêm nguồn lực để đầu tư vào công nghệ và R&D. Đồng thời, cần

thiết kế các gói tín dụng ưu đãi gắn với mục tiêu nâng cao năng suất.

Thứ năm, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng nâng cao tỷ trọng các ngành có giá trị gia tăng cao. Điều này đòi hỏi chính sách thu hút đầu tư có chọn lọc, ưu tiên các ngành công nghệ cao, công nghiệp chế biến - chế tạo và dịch vụ hiện đại. Song song với đó, cần đẩy nhanh quá trình chuyển dịch lao động từ khu vực nông nghiệp sang các ngành có năng suất cao hơn thông qua đào tạo nghề và hỗ trợ chuyển đổi việc làm.

Thứ sáu, cần tiếp tục cải thiện môi trường thể chế và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước. Việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, nâng cao tính minh bạch và ổn định của chính sách sẽ góp phần giảm chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đầu tư và đổi mới sáng tạo. Đồng thời, cần tăng cường phối hợp chính sách giữa các bộ, ngành nhằm đảm bảo tính nhất quán và hiệu quả trong việc thúc đẩy tăng trưởng năng suất.

4. Kết luận

Nghiên cứu cho thấy, năng suất lao động của Việt Nam trong giai đoạn 2021-2025 đã có sự cải thiện rõ rệt cả về quy mô tuyệt đối và tốc độ tăng trưởng, đồng thời đóng vai trò chủ đạo trong tăng

trưởng kinh tế. Tuy nhiên, mức năng suất hiện tại vẫn còn khoảng cách đáng kể so với các quốc gia trong khu vực, phản ánh những hạn chế mang tính cơ cấu liên quan đến công nghệ, chất lượng nguồn nhân lực và hiệu quả phân bổ nguồn lực.

Các phân tích cũng chỉ ra rằng tăng trưởng năng suất tại Việt Nam chưa thực sự bền vững, khi vẫn phụ thuộc nhiều vào mở rộng quy mô và lao động giá rẻ thay vì dựa trên đổi mới sáng tạo và tiến bộ công nghệ. Sự chênh lệch năng suất giữa các khu vực kinh tế, cùng với những rào cản về thể chế, tài chính và kỹ năng lao động, tiếp tục là những yếu tố kìm hãm hiệu quả nâng cao năng suất trong dài hạn.

Do đó, việc nâng cao năng suất lao động cần được tiếp cận như một chiến lược trung tâm của tăng trưởng kinh tế. Điều này đòi hỏi sự phối hợp đồng bộ giữa chính sách phát triển nguồn nhân lực, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao hiệu quả thị trường tài chính. Chỉ khi giải quyết đồng thời các điểm nghẽn mang tính hệ thống này, Việt Nam mới có thể thu hẹp khoảng cách năng suất với các nước trong khu vực và chuyển dịch sang mô hình tăng trưởng dựa trên chất lượng và hiệu quả ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Cục Thống kê (2025). Niên giám thống kê năm 2024. Nhà xuất bản Thống kê.

Cục Thống kê (2026). Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2025. Truy cập tại <https://www.nso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2026/01/bao-cao-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-iv-va-nam-2025/>

Ngọc An (2025). Năng suất lao động Việt Nam chỉ bằng 11,2% Singapore, đối mặt bão thu nhập trung bình. <https://tuoitre.vn/nang-suot-lao-dong-viet-nam-chi-bang-11-2-singapore-doi-mat-bay-thu-nhap-trung-binh-20251020151606001.htm>

Nguyễn Lan Hương và Bùi Văn Huyền (2025). Nâng cao năng suất lao động hướng tới mục tiêu tăng trưởng kinh tế hai con số ở Việt Nam. <https://tapchikinhtetaichinh.vn/nang-cao-nang-suot-lao-dong-huong-toi-muc-tieu-tang-truong-kinh-te-hai-con-so-o-viet-nam-127198.html&link=autochanger>

Tăng Văn Khiên và Nguyễn Thị Mão (2026). Năng suất lao động của Việt Nam giai đoạn 2021-2025. Truy cập tại <https://vjst.vn/nang-suot-lao-dong-cua-viet-nam-giai-doan-2021-2025-82673.html>

Ngày nhận bài: 2/3/2026

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 18/3/2026

Ngày chấp nhận đăng bài: 3/4/2026

ENHANCING VIETNAM'S COMPETITIVENESS THROUGH IMPROVED LABOR PRODUCTIVITY

● **BUI THI HOANG LAN**

Faculty of Environment, Climate Change and Urban Studies,
College of Economics and Public Management,
National Economics University

ABSTRACT:

Labor productivity is a pivotal determinant of growth quality and national competitiveness. As Vietnam transitions toward a development model grounded in efficiency and innovation, enhancing labor productivity has become an urgent policy priority. This study examines the trajectory of Vietnam's labor productivity during the 2021 - 2025 period, both at the aggregate level and across key economic sectors, in order to elucidate prevailing trends, assess its contribution to economic growth, and identify persistent structural constraints. Building on this empirical analysis, the paper advances a set of policy implications aimed at fostering sustained productivity gains, improving the quality of growth, and narrowing the productivity gap with regional peers.

Keywords: labor productivity, economic growth, economic structure, human resources, Vietnam.